TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2279/2022/DS-ST
Ngày: 24-6-2022
V/v Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Cửu Long;

2. Ông Nguyễn Hồng Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thu Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 827/2021/TLST- DS ngày 23 tháng 12 năm 2021 về "Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2730/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 3471/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NHTMCPSGTT

Địa chỉ: số 266-268 NKKK, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp: Ông TĐT– Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 NKKK, Phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Là Người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 302/2020/UQ-TTT ngày 25/9/2020) *(Có đơn xin vắng mặt)*

2. Bị đơn: Ông NQH *(vắng mặt)*

Địa chỉ: Số 05 đường ML phường BTĐ, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, NHTMCPSGTT do ông TĐT là Người đại diện hợp pháp trình bày: Ngày 22/9/2011, ông NQH ký với NHTMCPSGTT (từ đây gọi là "NH") Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của NH), hạn mức tín dụng là 20.000.000đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.15%/tháng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từ ngày và theo lãi suất NH áp dụng vào từng thời điểm khác nhau. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 46.593.398đồng; tổng số tiền ông H đã được NH trừ nợ theo thứ tự các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ, tổng cộng là 33.561.000đồng. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 21/11/2012, NH đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của ông H sang nợ quá hạn. Số dư nợ là 21.204.422đồng của ông H được chuyển thành nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn. Tính đến ngày 25/02/2020, ông H còn nợ NH số tiền nợ gốc là 21.204.422đồng, tiền lãi là 60.475.135đồng. Do đó, tại Đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2020, NH yêu cầu Tòa án có thẩm quyền buộc ông NQH phải trả cho NH số tiền nợ gốc là 21.204.422đồng, tiền lãi tính đến ngày 25/02/2020 là 60.475.135đồng; và ông H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 26/02/2020 đến khi trả dứt nợ theo lãi suất tại Hợp đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông NQH đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông H không đến. Nguyên đơn trình bày tạm tính đến ngày 24/6/2022, số tiền lãi mà ông H phải trả cho NH là 101.055.307đồng và tiếp tục trả tiền lãi cho đến khi thanh toán xong nợ; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Các đương sự vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, tống đạt và thông báo văn bản tố tụng đúng quy định pháp luật; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông NQH thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật, các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật:

NHTMCPSGTT khởi kiện yêu cầu ông NQH trả lại số tiền nợ gốc và tiền lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đây là vụ án "Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản".

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết:

Tại thời điểm NH nộp đơn khởi kiện, ông H thường trú tại thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.3] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn có Đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông H đã được Tòa án tống đạt các văn bản của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] NHTMCPSGTT khởi kiện ông NQH, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa để tham gia tố tụng, giải quyết vụ án nhưng ông H vẫn không đến. Do đó, Tòa án căn cứ các tài liệu, chứng cứ do NH giao nộp để giải quyết vụ án.

[2.2] Theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 22/9/2011, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của NH, các bên thỏa thuận NH cho ông H vay số tiền là 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) thông qua việc cấp thẻ tín dụng hạn mức 20.000.0000đồng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã nhiều lần dùng thẻ giao dịch tiêu dùng cá nhân nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho NH khiến NH chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 21.204.422đồng của ông H sang nợ quá hạn. Căn cứ Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005 về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay, NH khởi kiện yêu cầu ông H trả nợ gốc và các tiền lãi là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối chiếu Bản tự khai và Bảng tính lãi chi tiết tính đến ngày 24/6/2022 do NH giao nộp với thỏa thuận về lãi suất tại Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 22/9/2011, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của NH, Hội đồng xét xử xác định NH yêu cầu ông H phải thanh toán cho NH số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 24/6/2022 tổng cộng là 101.055.307đồng, trong đó, nợ gốc là 21.204.422đồng, tiền lãi là 79.850.885đồng có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm: theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016), ông NQH phải chịu án phí dân sự: 101.055.307đồng x 5%= 5.052.765đồng. NH không phải nộp án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh được Hội đồng xét xử chấp nhận như nhận định trên

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 4, Điều 91 của Luật Các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHTMCPSGTT là buộc ông NQH có trách nhiệm trả cho NHTMCPSGTT số tiền nợ gốc theo Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của NH là 21.204.422đ (Hai mươi mốt triệu hai trăm lẻ bốn ngàn bốn trăm hai mươi hai đồng) và tiền lãi tính đến ngày 24/6/2022 là 79.850.885đ (Bảy mươi chín triệu tám trăm năm mươi ngàn tám trăm tám mươi lăm đồng); tổng cộng tính đến ngày 24/6/2022 là 101.055.307đ (Một trăm lẻ một triệu không trăm năm mươi lăm ngàn ba trăm lẻ bảy đồng).

Thi hành ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng, Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của NH nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông NQH phải nộp án phí là 5.052.765đ (Năm triệu không trăm năm mươi hai ngàn bảy trăm sáu mươi lăm đồng)

- NHTMCPSGTT không phải nộp án phí; trả lại cho NHTMCPSGTT số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.041.989đ (Hai triệu không trăm bốn mươi mốt ngàn chín trăm tám mươi chín đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2019/0027537 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: NHTMCPSGTT, ông NQH vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ Bản án.

Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Hải Quỳnh Anh